TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHI LĂNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HS-ST
Ngày 10-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Thu Huyền;

Ông Hoàng Kim Niên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Xuân Phấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo:

Hoàng Thị N (tên gọi khác: Không), sinh ngày 09 tháng 6 năm 1984 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn G, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Công chức văn hóa xã hội được phân công kiêm nhiệm thủ quỹ ngân sách Ủy ban nhân dân xã Y (theo Quyết định số */QĐ-UBND ngày 01-6-2020 của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn); trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình B, sinh năm 1961 và bà Hoàng Thị M, sinh năm 1963; chồng Nguyễn Tiến T, sinh năm 1984; con: Có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2008, con thứ hai sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị áp dụng Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12-10-2022 cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại*:

1. Ông Nông Văn C, sinh năm 1989; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1982; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1986; vắng mặt.

4. Bà Lương Thị Ngọc B2, sinh năm 1987; vắng mặt.

5. Ông Triệu Văn T2, sinh năm 1987; có mặt.

6. Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1967; vắng mặt.

7. Ông Triệu Văn V, sinh năm 1987; vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn G, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

8. Bà Phương Thị A, sinh năm 1966; vắng mặt.

9. Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1984; vắng mặt.

10. Ông Lương Văn T3, sinh năm 1997; vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

11. Ông Triệu Việt D, sinh năm 1998; vắng mặt.

12. Ông Triệu Văn T4, sinh năm 1986; vắng mặt.

13. Bà Nông Thị T5, sinh năm 1984; vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn T, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Vương Văn S, sinh năm 1981; trú tại: Khu Ti, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Bà Đoàn Thị T6, sinh năm 1977; trú tại: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2021, thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 28-5-2021 về việc thành lập các tổ Covid cộng đồng tại các thôn trên địa bàn xã gồm 18 tổ với tổng số 54 thành viên. Ngày 12-10-2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y ban hành Quyết định số 290/QĐ-UBND về việc kiện toàn các tổ Covid cộng đồng, theo đó vẫn giữ nguyên số lượng các tổ, chỉ thay đổi một số thành viên thuộc một số tổ. Quá trình thực hiện công tác phòng chống dịch, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện C ban hành công văn số 159/TCKH ngày 09-6-2021, về việc chi trả chế độ bồi dưỡng đối với người tham gia công tác phòng, chống dịch Covid-19. Ủy ban nhân dân xã Y đã 02 lần thực hiện việc lập hồ sơ, chứng từ thanh toán, rút tiền từ ngân sách

dự phòng năm 2021 của xã để chi trả cho các thành viên các tổ Covid cộng đồng. Việc lập hồ sơ, chứng từ thanh toán do Đoàn Thị T6 là công chức tài chính - kế toán của Ủy ban nhân dân xã Y (kiêm nhiệm xã B) thực hiện, sau đó Hoàng Thị N là công chức văn hóa xã hội được phân công kiêm nhiệm thủ quỹ ngân sách Ủy ban nhân dân xã Y (theo Quyết định số 45a/QĐ-UBND ngày 01-6-2020 của Ủy ban nhân dân xã Y) thực hiện việc rút tiền và chi trả. Cụ thể: Lần 1, Đoàn Thị T6 lập hồ sơ, chứng từ thanh toán tiền bồi dưỡng cho 54 thành viên thuộc 18 tổ Covid cộng đồng với tổng số tiền 20.800.000 đồng. Sau đó, ngày 28-10-2021 Hoàng Thị N đến Kho bạc Nhà nước C giao dịch rút tiền mặt để thực hiện chi trả cho các tổ Covid cộng đồng. Lần 2: Đoàn Thị T6 lập hồ sơ, chứng từ thanh toán tiền bồi dưỡng cho 54 thành viên thuộc 18 tổ Covid cộng đồng với tổng số tiền 15.600.000 đồng. Sau đó, ngày 30-12-2021 Hoàng Thị N thực hiện việc rút tiền mặt tại Ngân hàng A chi nhánh huyện C để thực hiện chi trả cho các tổ Covid cộng đồng. Khoảng tháng 8 năm 2021, do không đủ tiền nộp học phí lớp liên thông Đại học đang theo học, Hoàng Thị N đã mượn tiền tiết kiệm của hai con đẻ là Nguyễn Hoàng Như D1 và Nguyễn Tiến D2 để nộp, đến thời điểm thực hiện việc chi trả tiền bồi dưỡng cho các thành viên thuộc các tổ Covid cộng đồng của xã Y, các con hỏi Hoàng Thị N để trả lại nên Hoàng Thị N đã không chi trả tiền bồi dưỡng cho 13 thành viên của các tổ Covid cộng đồng và ký thay tên của họ tại mục *"ký nhận tiền và ghi rõ họ tên"* trong các bộ chứng từ, bảng thanh toán tiền của cả hai lần chi trả và dùng số tiền này để trả lại tiền đã mượn của con. Ngày 02-11-2021 Hoàng Thị N thực hiện chi trả lần 1 nhưng không chi trả 3.200.000 đồng. Ngày 31-12-2021 Hoàng Thị N thực hiện chi trả lần 2 nhưng không chi trả 1.760.000 đồng. Tổng số tiền Hoàng Thị N chiếm đoạt là 4.960.000 đồng của 13 người. Cụ thể: 1. Ông Nông Văn C: 760.000 đồng. Trong đó: Lần 1: 440.000 đồng, lần 2: 320.000 đồng; 2. Ông Nguyễn Văn T1: 560.000 đồng. Trong đó: Lần 1: 280.000 đồng, lần 2: 280.000 đồng; 3. Ông Nguyễn Văn B1: Lần 2: 280.000 đồng; 4. Bà Lương Thị Ngọc B2: Lần 1: 320.000 đồng; 5. Ông Triệu Văn T2: Lần 2: 280.000 đồng; 6. Bà Hoàng Thị Đ: Lần 2: 320.000 đồng; 7. Ông Triệu Văn V: Lần 2: 280.000 đồng; 8. Bà Phương Thị A: Lần 1: 400.000 đồng; 9. Bà Hoàng Thị Đ: Lần 1: 320.000 đồng; 10. Ông Lương Văn T3: Lần 1: 320.000 đồng; 11. Ông Triệu Việt D: Lần 1: 480.000 đồng; 12. Bà Nông Thị T5: Lần 1: 320.000 đồng; 13. Ông Triệu Văn T4: Lần 1: 320.000 đồng.

Khi biết được thông tin Cơ quan điều tra đang tiến hành rà soát việc chi trả các khoản tiền hỗ trợ tại xã Y, ngày 21-8-2022 Hoàng Thị N đã đưa cho ông Nông Văn C số tiền 1.920.000 đồng (là tiền bồi dưỡng của tổ Covid cộng đồng thôn G, xã Y được chi trả lần 1 và lần 2), được kẹp trong 02 mẩu giấy vàng có

ghi tên các thành viên và số tiền họ được hưởng, nhờ ông Nông Văn C đưa lại cho các thành viên trong tổ. Sau khi nhận tiền từ Hoàng Thị N, ông Nông Văn C giữ lại 760.000 đồng của ông Nông Văn C được hưởng, còn lại 1.160.000 đồng cùng 02 mẩu giấy vàng ông Nông Văn C đưa cho bà Lương Thị Ngọc B2 để đưa lại cho các thành viên khác, tuy nhiên bà Lương Thị Ngọc B2 đưa số tiền trên cho chồng là ông Nguyễn Văn T1 (cùng tổ với bà Lương Thị Ngọc B2) để chuyển lại nhưng do bận việc nên ông Nguyễn Văn T1 chưa chuyển.

Tại bản kết luận giám định số 395/KL-KTHS ngày 29-9-2022 và kết luận giám định số 414/KL-KTHS ngày 13-10-2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, kết luận: Chữ ký tên của ông Nông Văn C, ông Triệu Việt D, ông Nguyễn Văn T1, bà Lương Thị Ngọc B2, bà Nông Thị T5, ông Triệu Văn T4, bà Phương Thị A, ông Triệu Văn T2, bà Hoàng Thị Đ, ông Lương Văn T3, ông Triệu Văn V, ông Nguyễn Văn B1, bà Hoàng Thị Đ tại mục *"ký nhận tiền và ghi rõ họ tên"* với chữ ký trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

Về vật chứng vụ án hiện đang tạm giữ: Số tiền 1.160.000 đồng do ông Nguyễn Văn T1 đã tự nguyện giao nộp lại ngày 13-9-2022; số tiền 760.000 đồng do ông Nông Văn C tự nguyện giao nộp và số tiền 800.000 đồng do ông Triệu Văn T2 tự nguyện giao nộp ngày 12-9-2022 trong quá trình điều; số tiền 3.040.000 đồng do bị cáo Hoàng Thị N tự nguyện giao nộp trong quá trình điều tra để khắc phục hậu quả; 02 mẩu giấy vàng.

Cáo trạng số: 08/CT-VKSCL ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Hoàng Thị N về tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 355 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Thị N khẳng định bị truy tố về tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản như nội dung của Cáo trạng là đúng, không oan sai. Về số tiền bị cáo chiếm đoạt của 13 bị hại, bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho các bị hại. Đối với số tiền ông Triệu Văn T2 đã nhận của bị cáo lần 1 để chi trả tiền bồi dưỡng tham gia tổ Covid cộng đồng lần 1 cho cả tổ trong đó trừ đi số tiền của ông Triệu Văn T2 là 560.000 đồng, số tiền còn lại là của bà Hoàng Thị Đ 480.000 đồng, ông Triệu Văn V 320.000 đồng nhưng ông Triệu Văn T2 không đưa lại cho bà Hoàng Thị Đ và ông Triệu Văn V mà sử dụng số tiền này chi tiêu cá nhân, vì vậy, bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử tịch thu của ông Triệu Văn T2 800.000 đồng, để trả lại cho bà Hoàng Thị Đ 480.000 đồng, ông Triệu Văn V 320.000 đồng.

Các bị hại ông Nông Văn C, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn B1, bà Lương Thị Ngọc B2, bà Hoàng Thị Đ, ông Triệu Văn V, bà Phương Thị A, bà Hoàng Thị Đ, ông Lương Văn T3, ông Triệu Việt D, bà Nông Thị T5, ông Triệu Văn T4 trong quá trình điều tra khai: Việc bị cáo Hoàng Thị N không chi

trả tiền bồi dưỡng cho 13 thành viên của các tổ Covid cộng đồng và ký thay tên của họ tại mục *"ký nhận tiền và ghi rõ họ tên"* trong các bộ chứng từ, bảng thanh toán tiền của cả hai lần chi trả; tổng số tiền Hoàng Thị N đã chiếm đoạt 4.960.000 đồng như cáo trạng truy tố là đúng và cùng có yêu cầu bị cáo Hoàng Thị N trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại.

Bị hại ông Triệu Văn T2 tại phiên tòa khai: Năm 2012 tổ Covid cộng đồng thôn G, xã Y gồm có 03 thành viên ông là Tổ trưởng, bà Hoàng Thị Đ và ông Triệu Văn V tổ viên. Tháng 11 năm 2021 khi bị cáo Hoàng Thị N chi trả tiền bồi dưỡng lần 1 thì ông đã nhận tiền bồi dưỡng cho cả tổ số tiền 1.360.000 đồng, trong đó của ông là 560.000 đồng, bà Hoàng Thị Đ 480.000 đồng, ông Triệu Văn V 320.000 đồng nhưng ông không đưa lại cho bà Hoàng Thị Đ và ông Triệu Văn V mà sử dụng số tiền này chi tiêu cá nhân, ông đã nộp lại 800.000 đồng này trong quá trình điều tra. Nay ông yêu cầu Hội đồng xét xử trả lại cho bà Hoàng Thị Đ 480.000 đồng, ông Triệu Văn V 320.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Vương Văn S và bà Đoàn Thị T6 trong lời khai tại Cơ quan điều tra đã thể hiện: Quá trình Hoàng Thị N không chi trả tiền bồi dưỡng cho 13 thành viên các tổ Covid cộng đồng ông Vương Văn S, bà Đoàn Thị T6 không biết và không có yêu cầu gì.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, đánh giá về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị N phạm tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 355; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 50, 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Thị N từ 01 đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại tổng số 4.960.000 đồng cho 13 bị hại, cụ thể trả lại cho ông Nông Văn C 760.000 đồng; ông Nguyễn Văn T1 560.000 đồng; ông Nguyễn Văn B1 280.000 đồng; bà Lương Thị Ngọc B2 320.000 đồng; ông Triệu Văn T2 280.000 đồng; bà Hoàng Thị Đ 320.000 đồng; ông Triệu Văn V 280.000 đồng; bà Phương Thị A 400.000 đồng; bà Hoàng Thị Đ 320.000 đồng; ông Lương Văn T3 320.000 đồng; ông Triệu Việt D 480.000 đồng; bà Nông Thị T5 320.000 đồng; ông Triệu Văn T4 320.000 đồng. Trả lại cho bà Hoàng Thị Đ 480.000 đồng; ông Triệu Văn V 320.000 đồng tiền ông Triệu Văn T2 chiếm đoạt. Tịch thu tiêu hủy 02 mẩu giấy màu vàng.

Phần tranh luận: Bị cáo, bị hại không ai có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị hại gồm ông Nông Văn C, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn B1, bà Lương Thị Ngọc B2, bà Hoàng Thị Đ, ông Triệu Văn V, bà Phương Thị A, bà Hoàng Thị Đ, ông Lương Văn T3, ông Triệu Việt D, bà Nông Thị T5, ông Triệu Văn T4 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Vương Văn S, bà Đoàn Thị T6 vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét thấy, những người vắng mặt đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Thị N khai nhận toàn bộ các hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Tháng 11 và tháng 12 năm 2021, lạm dụng quyền hạn là thủ quỹ của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trong thực hiện nhiệm vụ chi trả chế độ bồi dưỡng cho các thành viên tham gia tổ Covid cộng đồng theo Quyết định thành lập của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Bị cáo Hoàng Thị N đã không chi trả tiền bồi dưỡng trong đợt chi trả lần 1 số tiền 3.200.000 đồng, lần 2 số tiền 1.760.000 đồng, chiếm đoạt tổng số 4.960.000 đồng của 13 thành viên thuộc các tổ Covid cộng đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Hoàng Thị N phạm tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản, theo khoản 1 Điều 355 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực

trách nhiệm hình sự. Nhận thức được việc cố ý làm trái các quy định của nhà nước trong phạm vi, quyền hạn được giao là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi cá nhân, không làm chủ được bản thân nên đã cố tình thực hiện phạm tội. Hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt.

[6] Về nhân thân; tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hoàng Thị N không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về các hành vi của mình; đã tự nguyện khắc phục hậu quả; có nhiều thành tích trong công tác được cấp xã, huyện, tỉnh tặng giấy khen và Đảng ủy xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn có văn bản số 79-CV/ĐU ngày 10 tháng 01 năm 2023 đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do quá trình công tác tại Ủy ban nhân dân xã Y bị cáo có nhiều thành tích, đóng góp cho cơ quan, đơn vị tại địa phương, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tình tiết tăng nặng không có.

[7] Xét lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Hoàng Thị N tuy phạm tội nghiêm trọng, nhưng bị cáo có nhân thân tốt, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của bản thân, đã khắc phục toàn bộ hậu quả, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội, mà xét xử bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo để bị cáo yên tâm cải tạo, giáo dục tại địa phương trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật. Việc cho bị cáo hưởng án treo cũng không gây nguy hại cho xã hội, không ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm mà vẫn đảm bảo được sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước đối với người biết ăn năn hối cải.

[9] Đối với ông Vương Văn S là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và bà Đoàn Thị T6 là công chức tài chính - kế toán của Ủy ban nhân dân xã Y kiêm xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình bị cáo Hoàng Thị N không chi trả tiền bồi dưỡng cho 13 thành viên các tổ Covid cộng đồng ông Vương Văn S, bà Đoàn Thị T6 không biết, nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, với trách nhiệm người đứng đầu Ủy ban nhân dân xã và công chức tài chính - kế toán của xã, ông Vương Văn S và bà Đoàn Thị T6 đã không thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về quản lý tài chính, kế toán; hàng tháng không thực hiện kiểm tra đối chiếu, lập biên bản kiểm quỹ tiền mặt dẫn đến bị cáo Hoàng Thị N lợi dụng thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra đã có công văn số 432/CQĐT ngày 06-12-2022 gửi Thường trực Huyện ủy

C và Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn yêu cầu xem xét xử lý trách nhiệm người đứng đầu Ủy ban nhân dân cấp xã đối với ông Vương Văn S. Công văn số 433/CQĐT ngày 06-12-2022 gửi Ủy ban nhân dân xã Y, xã B yêu cầu xem xét trách nhiệm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao đối với bà Đoàn Thị T6 là phù hợp quy định pháp luật.

[10] Đối với ông Triệu Văn T2 là đảng viên sinh hoạt tại Chi bộ Thôn G, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; tổ trưởng tổ Covid cộng đồng thôn G, xã Y, sau khi nhận số tiền bồi dưỡng cho cả tổ do bị cáo Hoàng Thị N chi trả lần 01, đã không đưa lại cho 02 thành viên của tổ số tiền 800.000 đồng mà sử dụng chi tiêu cá nhân, do số tiền ông Triệu Văn T2 chiếm đoạt chưa đủ định lượng để xem xét trách nhiệm hình sự. Cơ quan điều tra đã có công văn số 434/CQĐT ngày 06-12-2022 gửi Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và Chi bộ thôn G, xã Y yêu cầu xem xét xử lý đối với ông Triệu Văn T2 là có căn cứ.

[11] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Hoàng Thị N không có tài sản chung, riêng, không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và cấm đảm nhiệm chức vụ, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản quy định tại khoản 5 Điều 355 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[12] Về xử lý vật chứng: Đối với tổng số tiền 4.960.000 đồng bị cáo Hoàng Thị N đã chiếm đoạt của 13 bị hại (trong đó có số tiền 3.040.000 đồng do bị cáo Hoàng Thị N giao nộp; 1.160.000 đồng do ông Nguyễn Văn T1 giao nộp; 760.000 đồng do ông Nông Văn C giao nộp trong quá trình điều tra), cần trả lại cho 13 bị hại, cụ thể trả lại cho ông Nông Văn C 760.000 đồng; ông Nguyễn Văn T1 560.000 đồng; ông Nguyễn Văn B1 280.000 đồng; bà Lương Thị Ngọc B2 320.000 đồng; ông Triệu Văn T2 280.000 đồng; bà Hoàng Thị Đ 320.000 đồng; ông Triệu Văn V 280.000 đồng; bà Phương Thị A 400.000 đồng; bà Hoàng Thị Đ 320.000 đồng; ông Lương Văn T3 320.000 đồng; ông Triệu Việt D 480.000 đồng; bà Nông Thị T5 320.000 đồng; ông Triệu Văn T4 320.000 đồng. Đối với số tiền 800.000 đồng ông Triệu Văn T2 giao nộp là tiền do ông Triệu Văn T2 chiếm đoạt của các bị hại là bà Hoàng Thị Đ và ông Triệu Văn V nên cần trả lại cho bà Hoàng Thị Đ 480.000 đồng; ông Triệu Văn V 320.000 đồng. Đối với 02 mẩu giấy màu vàng do không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[13] Về án phí: Do bị cáo Hoàng Thị N là người bị kết án nên phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 355; điểm a, b khoản 1 Điều 47, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; điểm b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 292, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị N phạm tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hoàng Thị N 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 10 tháng 02 năm 2023. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Trả lại cho ông Nông Văn C 760.000 đồng; ông Nguyễn Văn T1 560.000 đồng; ông Nguyễn Văn B1 280.000 đồng; bà Lương Thị Ngọc B2 320.000 đồng; ông Triệu Văn T2 280.000 đồng; bà Hoàng Thị Đ 320.000 đồng; ông Triệu Văn V 280.000 đồng; bà Phương Thị A 400.000 đồng; bà Hoàng Thị Đ 320.000 đồng; ông Lương Văn T3 320.000 đồng; ông Triệu Việt D 480.000 đồng; bà Nông Thị T5 320.000 đồng; ông Triệu Văn T4 320.000 đồng, được niêm phong trong 03 phong bì gồm phong bì thứ nhất: bên ngoài mặt trước có ghi dòng chữ viết tay "*Số tiền: 760.000đ (Bảy trăm sáu mươi nghìn đồng)*", mặt sau có chữ ký của "Nông Văn C, Lương Hồng Sơn, Lăng Văn Việt, Nguyễn Văn Đông, Hoàng Tiến Nam" và đóng dấu tròn đỏ của Công an xã Y Tịch, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; phong bì thứ ba: bên ngoài mặt trước có ghi dòng chữ viết tay "*Số tiền: 1.160.000đ (Một triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng)*", mặt sau có chữ ký của "Nguyễn Văn T1, Lương Hồng S, Lăng Văn V, Nguyễn Văn Đ, Hoàng Tiến N" và đóng dấu tròn của Công an xã Y Tịch, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; phong bì thứ tư: bên ngoài mặt trước có ghi dòng chữ viết tay "*Số tiền: 3.040.000đ (Ba triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng)*", mặt sau có chữ ký của "Hoàng Thị N, Nguyễn Văn H, Lăng Văn V, Vi Quý S" và đóng dấu tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

3.2. Trả lại cho bà Hoàng Thị Đ 480.000 đồng; ông Triệu Văn V 320.000 đồng, được niêm phong trong 01 phong bì gồm phong bì thứ hai: bên ngoài mặt trước có ghi dòng chữ viết tay "*Số tiền: 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng)*", mặt sau có chữ ký của "Lăng Văn V, Triệu Văn T2, Nguyễn Thị Thanh H, Lương Hồng S" và đóng dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

3.3. Tịch thu tiêu hủy 02 mẩu giấy màu vàng, được niêm phong dán kín trong 01 phong bì giấy mầu trắng, trên mép phong bì có chữ ký của Lăng Văn V, Nguyễn Văn Đ, Lương Hồng S, Nguyễn Văn T1, Hoàng Tiến N, có đóng dấu tròn đỏ của Công an xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, trong đó: 01 mẩu có ghi các chữ và số "C GT2, 1.040.000, C 440, T 280, B 320"; 01 mẩu có ghi các chữ và số "880.000đ, C 320, T 280, B 280".

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Công an huyện Chi Lăng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn ngày 06 tháng 01 năm 2023).

4. Về án phí: Bị cáo Hoàng Thị N chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Chi Lăng;
- Cơ quan THA hình sự Công an huyện Chi Lăng;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Chi Lăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- Những người tham gia tố tụng;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Phan Thị Thanh Huyền